



hé yī
合一

verb/noun · unity; integration

Example Sentences

Shēn xīn hé yī cái néng jiàn kāng

身心合一才能健康。

Only with unity of body and mind can one be healthy.

Zhè ge shè jì zuò dào le gōng néng yǔ měi gǎn de hé yī

这个设计做到了功能与美感的合一。

This design achieves the integration of function and aesthetics.

Trace each character, then write the word on your own.

合	合	合	合	合	合	合	合	合		
一	一	一	一							